

Bản án số: 55/2026/KDTM-PT

Ngày 29/9/2026

V/v “*Tranh chấp hợp đồng MBHH*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bé.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thọ.

Bà Trần Thị Thanh Mai.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng:* Bà Đặng Ngọc Hoài Linh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 26/2026/TLPT-KDTM ngày 03 tháng 9 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 27/2025/KDTM-ST ngày 03 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 5, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 357/2026/QĐ-PT ngày 08 tháng 9 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 437/2026/QĐ-PT ngày 14 tháng 9 năm 2026 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần C. Địa chỉ trụ sở: Khu công nghiệp H, xã N, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 2003; CCCD số: 049303009xxx; Địa chỉ: Số A đường T, phường T, thành phố Đà Nẵng của Giám đốc Công ty Cổ phần C. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Công ty TNHH MTV H3. Địa chỉ: A đường T, phường C, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Tấn H1, chức vụ: Giám đốc Công ty. CCCD số 049080011xxx (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Công ty TNHH MTV H3 là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Đại diện theo uỷ quyền cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày: Công ty Cổ phần C và Công ty TNHH MTV H3 có thỏa thuận ký kết với nhau Hợp đồng kinh tế số: 16/2023/HĐKT/CMAAH-HKT ngày 21/04/2023 về việc “Mua bán Bê tông thương phẩm” và Phụ lục Hợp đồng số: PL01-16/2023/HĐKT/CMAAH-HKT ngày 01/07/2023. Theo đó, Công ty C (Bên B trong Hợp đồng) nhận cung cấp hàng hóa là các sản phẩm Bê tông cho Công ty H3 Thịnh theo đơn giá và chất lượng quy định tại Điều 1, 2 của Hợp đồng. Căn cứ thỏa thuận tại mục 5.2 Điều 5 của HĐKT, Công ty H3 Thịnh có trách nhiệm thanh toán 100% giá trị đơn hàng. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty C đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, cung cấp hàng hóa đủ số lượng, đúng chất lượng và địa điểm cho Công ty H3. Công ty H3 cũng không có ý kiến gì liên quan đến chất lượng hàng hóa do Công ty C cung cấp. Đồng thời, An An H2 đã cung cấp hồ sơ chứng từ đề yêu cầu H Thịnh thanh toán thỏa thuận đã giao kết và phía Hải Khang T cũng đã ký kết đầy đủ vào các biên bản nghiệm thu đối chiếu công nợ này.

Công ty C đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng (VAT) liên quan đến các đơn hàng mà Công ty H3 Thịnh còn nợ chưa thanh toán, với tổng giá trị hóa đơn là 87.065.000 đồng. Tuy nhiên tính đến thời điểm hiện tại, Công ty H3 T mới thanh toán số tiền hàng là 17.124.000 đồng, còn nợ số tiền: 69.941.000 đồng. Công ty C cũng đã nhiều lần gửi hồ sơ, văn bản đề nghị Công ty H3 Thịnh thanh toán nhưng vẫn không nhận được phản hồi từ Công ty này. Do đó, Công ty C yêu cầu Công ty H3 phải thanh toán toàn bộ số tiền mua bán hàng hóa còn nợ là 69.941.000 đồng và chịu mức tiền lãi phát sinh trên số tiền chậm trả kể từ ngày vi phạm tính từ ngày 30/09/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 03/6/2026, tổng cộng 611 ngày với mức lãi suất yêu cầu là 10%/năm, tiền lãi 11.707.600 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 81.649.600 đồng.

Bị đơn Công ty TNHH MTV H3 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Phạm Tấn H1 (Giám đốc Công ty) không đến Tòa án để tham gia các phiên họp, hòa giải và các phiên tòa theo thông báo của Tòa án và cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Với nội dung nói trên, Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 27/2026/KDTMST ngày 03 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 5, thành phố Đà Nẵng đã xử và quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 306 Luật Thương mại; Án lệ số: 09/2016/AL ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần C đối với Công ty TNHH MTV H3 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

Buộc Công ty TNHH MTV H3 phải thanh toán cho Công ty Cổ phần C số tiền tổng cộng là 81.649.600 đồng (*tám mươi một triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm đồng*); trong đó tiền gốc là 69.941.000 đồng; tiền lãi chậm thanh toán là 11.707.600 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường do Ngân hàng V quy định tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí KDTM-ST: Công ty TNHH MTV H3 phải chịu: 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*). Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần C số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*) tại biên lai thu số 0000714 ngày 21/01/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự biết theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/8/2026, Công ty TNHH MTV H3 là bị đơn có đơn kháng cáo sửa Bản án sơ thẩm theo hướng miễn hoặc giảm nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm đối với Công ty là 4.000.000 đồng. Xem xét không buộc hoặc giảm khoản tiền lãi chậm thanh toán là 11.707.600 đồng do khó khăn khách quan về tài chính khi Chủ đầu tư chưa thanh toán công nợ cho Công ty. Tạo điều kiện cho Công ty thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc còn lại. Tại phiên tòa, Công ty TNHH MTV H3 yêu cầu xem xét nợ gốc và nợ lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim H, có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] Xét về mặt nội dung: Xét kháng cáo của Công ty TNHH MTV H3 thì thấy: Công ty Cổ phần C và Công ty TNHH MTV H3 đã ký kết Hợp đồng kinh tế số: 16/2023/HĐKT/CMAAH-HKT ngày 21/04/2023 về việc “*Mua bán Bê tông thương phẩm*” và Phụ lục Hợp đồng số: PL01-16/2023/HĐKT/CMAAH-HKT ngày 01/07/2023 trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp nên có được pháp luật bảo vệ và ràng buộc nghĩa vụ với nhau khi giao kết hợp đồng. Thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa nói trên, Công ty C đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, cung cấp hàng hóa đủ số lượng, đúng chất lượng, các bên đã đối chiếu và xác nhận công nợ, không tranh chấp về các điều khoản hợp đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phạm Tấn H1 xác nhận tính đến

ngày 30/9/2024, Công ty TNHH MTV H3 còn nợ số tiền là 69.941.000 đồng. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là những tình tiết không phải chứng minh. Do đó, cấp sơ thẩm buộc Công ty H3 T phải thanh toán cho Công ty C số tiền mua bán hàng 69.941.000 đồng là có căn cứ.

[3] Xét yêu cầu đòi tiền lãi chậm thanh toán của Công ty C: Tại Hợp đồng kinh tế số: 16 ngày 21/4/2023, các bên không thỏa thuận về lãi chậm thanh toán trên dư nợ gốc. Tuy nhiên, căn cứ Điều 306 Luật thương mại năm 2005 và Căn cứ Án lệ số: 09/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 quy định: Để tính lãi suất chậm thanh toán cần phải áp dụng lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán. Căn cứ để tính mức lãi suất trung bình trên thị trường theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại thì cần phải áp dụng mức lãi suất quá hạn trung bình của ít nhất ba Ngân hàng tại địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập mức lãi suất cho vay trong hạn và lãi suất cho vay quá hạn của 03 Ngân hàng: Ngân hàng TMCP V- chi nhánh Q; Ngân hàng V - chi nhánh Q; Ngân hàng TMCP V - chi nhánh N. Đồng thời, áp dụng lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán của 3 Ngân hàng với mức lãi suất 15,9 %/năm, không vượt mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán nên chấp nhận là đúng quy định pháp luật.

[4] Bị đơn là Công ty H3 Thịnh kháng cáo đề nghị miễn hoặc giảm nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm đối với Công ty H3; xem xét không buộc hoặc giảm khoản tiền lãi chậm thanh toán là 11.707.600 đồng. Căn cứ Điều 12, Điều 13 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì Công ty H3 Thịnh không thuộc đối tượng được miễn, giảm án phí. Hơn nữa, Công ty H3 T cho rằng việc chậm thanh toán xuất phát từ khó khăn khách quan tài chính khi chủ đầu tư chưa thanh toán công nợ Công ty C, lý do này của Công ty H3 T không có cơ sở để chấp nhận, bởi lẽ: việc đối chiếu công nợ được xác lập từ ngày 30/9/2024 đến nay gần 02 năm, đồng thời quá trình giải quyết vụ án Công ty H3 T cũng không có thiện chí đến hòa giải, thể hiện sự chây ì, cố tình kéo dài nghĩa vụ trả nợ.

[5] Từ những nhận định trên, HĐXX xét thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của Công ty H3.

[6] Án phí KDTM-ST: Công ty H3 Thịnh phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Do không chấp nhận kháng cáo nên Công ty H3 phải chịu án phí KDTM-PT.

[8] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kinh doanh thương mại ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 27/2026/KDTM-ST ngày 03 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 5, thành phố Đà Nẵng theo hướng không chấp nhận

kháng cáo của Công ty H3. Xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 296, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 306 Luật Thương mại; Án lệ số: 09/2016/AL ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH MTV H3 đối với Công ty Cổ phần C.

II. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 27/2026/KDTM-ST ngày 03 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 5, thành phố Đà Nẵng.

III. Án phí KDTM-PT: Công ty TNHH MTV H3 phải chịu 2.000.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001665 ngày 14/8/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

IV. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân Khu vực 5;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Bé